

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 22-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Văn D, sinh năm 1982 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Phạm Thị H (đã chết), có 01 con; tiền sự: Không;

Tiền án có 02: + Ngày 14/01/2014 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 05/6/2017 đã chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích.

+ Ngày 23/01/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 17/8/2017 chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích.

Nhân thân: + Bản án số 37/HSST ngày 29/12/2000, Toà án nhân dân huyện L xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2001, hiện đã được xóa án tích.

+ Bản án số 104/2005/HSST ngày 20/9/2005, Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2009, hiện đã được xóa án tích.

+ Bản án số 44/2010/HSST ngày 15/6/2010, Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/3/2011, hiện đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2019 (có mặt);

Bị hại: + Chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1972; trú tại: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; Hộ khẩu thường trú: Phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt);

+ Anh Vũ Đình T, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Người làm chứng: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1971; trú tại: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định nên trong tháng 12/2018 và tháng 01/2019, Đỗ Văn D đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã X, huyện L mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/12/2018, D ngủ dậy vệ sinh cá nhân sau đó đi vào trong bếp dùng chung của gia đình D với anh trai là Đỗ Văn Q ở cùng thôn với D. Khi vào bếp, D phát hiện trên mặt bàn nhựa kê trong bếp có 01 điện thoại di động loại OPPO, màn hình cảm ứng màu vàng đồng của chị Nguyễn Thị Thanh B (chị B là bạn gái đang sống chung với anh Q). Lợi dụng không thấy có ai, D lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần phải đang mặc sau đó đi ra đón xe buýt đi xuống thành phố V mục đích bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được. Khi đi đến khu vực dốc L, thành phố V, D xuống xe và gặp một người đàn ông trung tuổi. D nói chuyện và hỏi người đàn ông này có mua điện thoại không đồng thời đưa cho người này xem chiếc điện thoại vừa trộm cắp của chị B. Sau khi xem xong người đàn ông đồng ý mua chiếc điện thoại với giá 2.000.000 đồng. D cầm tiền rồi bỏ trốn vào tỉnh Quảng Nam, tỉnh Đà Nẵng, tiêu sài hết số tiền trên.

Căn cứ Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 41 ngày 15/01/2019 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ngày 18/01/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L có văn bản số 01/CV-HĐĐG trả lời: “*do không có tài sản định giá và cơ quan trưng cầu định giá không cung cấp được tài liệu, giấy tờ liên quan đến tài sản trên nên hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch không có cơ sở để định giá*”.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 09/01/2019, Đỗ Văn D đi bộ một mình từ nhà lang thang ở xã X mục đích xem nhà ai có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước cổng nhà anh Vũ Đình T, D thấy có 02 con ngan, lông màu trắng đang kiếm ăn ở rìa đường trước cổng nhà anh T, không có người trông giữ. D nhặt 01 cây sắn tươi ở gần đó, tay phải cầm cây sắn vụt trúng 01 con ngan làm con ngan ngã ra đất. D dùng hai tay bắt con

ngan rồi nhặt chiếc bao tải gần đó đúc con ngan vào và mang đến nhà anh Trần Văn Q mục đích để bán con ngan trộm cắp được cho anh Q. Sau đó anh T phát hiện cùng anh Q giữ D lại và báo cho cơ quan Công an đến làm việc.

Căn cứ Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 33 ngày 09/01/2019 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ngày 10/01/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L có văn bản số 233/KL-HĐĐG kết luận: *“01 con ngan, giống ngan cái, có lông màu trắng, trọng lượng 2,65kg được định giá 160.000 đồng”*.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ngày 11/01/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 06 trả lại cho anh Vũ Đình T con ngan bị D trộm cắp và 01 chiếc bao tải xác rắn màu trắng, đã cũ là đúng chủ sở hữu. Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

02 đoạn thân cây sắn là công cụ D dùng để trộm cắp tài sản; 01 chiếc điện thoại di động D trộm cắp của chị Nguyễn Thị Thanh B, cơ quan điều tra không thu hồi được. Đến nay, chị B không yêu cầu D phải bồi thường gì và cũng không yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với người đàn ông ở khu vực dốc L, thành phố V đã mua chiếc điện thoại do D trộm cắp, do D không xác định được tên, tuổi, địa chỉ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Trước Cơ quan điều tra, Đỗ Văn D đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 06/3/2019, Viện kiểm sát nhân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Đỗ Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Đỗ Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đỗ Văn D đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm n, h, s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đỗ Văn D từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Không phạt bổ sung, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại anh Vũ Đình T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đỗ Văn D nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm là sai trái, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất vì bị cáo có con nhỏ, mẹ già và vợ bị cáo đã mất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Do không có việc làm ổn định nên trong tháng 12/2018 và tháng 01/2019 Đỗ Văn D đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/12/2018, D đi vào bếp dùng chung với gia đình anh trai là Đỗ Văn Q ở Thôn C, xã X, huyện L lấy trộm 01 điện thoại Oppo màn hình cảm ứng của chị Nguyễn Thị Thanh B (là bạn gái đang sống chung với anh Q). Sau đó D đem chiếc điện thoại trên xuống khu vực dốc L, thành phố V bán cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 2.000.000đồng, sau đó bị cáo tiêu sái hết số tiền trên.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ 30 ngày 09/01/2019, D đi lang thang ở xã X mục đích là xem có ai sơ hở để trộm cắp. Khi đến trước cổng nhà anh Vũ Đình T ở thôn Đ, xã X, huyện L, D trộm cắp 01 con ngan trị giá 160.000 đồng của anh T. Khi đang đem đi bán thì bị anh T phát hiện và báo công an.

Đối với chiếc điện thoại Oppo, do không xác định được đặc điểm cụ thể của chiếc điện thoại trên nên Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự không xác định được giá. Do D khai đã bán được chiếc điện thoại trên với giá 2.000.000 đồng nên căn cứ vào lời khai của bị cáo để xác định giá trị chiếm đoạt chiếc điện thoại trên đối với D.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Đỗ Văn D thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây

sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là thanh niên có sức khỏe, nhưng bị cáo không chịu làm ăn lương thiện, mà ăn chơi đua đòi trộm cắp tài sản lấy tiền ăn tiêu. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật là cần thiết nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đỗ Văn D có 02 tiền án đó là: Ngày 14/01/2014 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Ngày 23/01/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Nên trường hợp này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngày 25/12/2018 bị cáo trộm cắp tài sản trị giá 2.000.000đồng, ngày 19/01/2019 bị cáo trộm cắp tài sản trị giá 160.000 đồng, trước đó bị cáo có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản nên hai lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tài sản trộm cắp có giá trị nhỏ và đã thu hồi được nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù một thời gian phù hợp mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có việc làm, không có tài sản gì nên không cần thiết phải phạt bị cáo một khoản tiền sung quỹ Nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Vũ Đình T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì và chị Nguyễn Thị Thanh B không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với 02 đoạn thân cây sắn là công cụ dùng để trộm cắp tài sản, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 2.000.000 đồng là số tiền bị cáo có được do hành vi phạm tội mà có, người bị hại không yêu cầu bồi thường số tiền này nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền này đối với bị cáo.

[7]. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 01 (Một) năm tù. Thời hạn

chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/01/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu sung quỹ Nhà nước 2.000.000 đồng của bị cáo Đỗ Văn D.

Tịch thu tiêu hủy 02 đoạn thân cây sắn.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2019).

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đỗ Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện L;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - Công an huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi Cục THADS huyện L;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa